

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Nga;
- Ông Tô Ngọc Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu Y, sinh ngày 01/12/2001; CCCD số 089301010519; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy C, sinh ngày 23/9/1995; CCCD số 089095014345; địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huy C chung với sống nhau vào năm 2017, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang). Đến đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chồng hay cờ bạc, nợ nần,

không đi làm, không lo cho gia đình, bà Y nhiều lần khuyên ngăn nhưng chồng không sửa đổi từ đó dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cãi. Vợ chồng bà đã không chung sống với nhau từ tháng 07/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn bà xin ly hôn với ông Nguyễn Huy C; Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 03/01/2018 và Nguyễn Thị Ngọc C2, sinh ngày 03/01/2018 hiện con chung đang chung sống cùng ông C. Khi ly hôn bà đồng ý để ông C được tiếp tục nuôi 02 con chung, bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, số tiền 3.700.000 đồng mỗi tháng cho 02 con chung cho đến khi con thành niên; Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Huy C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Thu Y đối với ông Nguyễn Huy C.

- Ông Nguyễn Huy C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 03/01/2018 và Nguyễn Thị Ngọc C2, sinh ngày 03/01/2018. Bà Đỗ Thị Thu Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 3.700.000 đồng mỗi tháng cho 02 con chung, cho đến khi con chung thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ Thị Thu Y yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huy C, ông C có nơi cư trú số nhà H, tổ D, ấp L, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Huy C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là có căn cứ.

[3] Bà **Đỗ Thị Thu Y** yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Huy C**, bà **Y** và ông **C** có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình làm việc và tại phiên Tòa hôm nay, bà **Y** xác định trong thời gian vợ chồng sống chung ông **C** cờ bạc thiếu nợ, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông **C** không sửa đổi từ đó dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cãi, đến tháng 7/2025 mâu thuẫn trầm trọng, nhận thấy vợ chồng không thể chung sống được, nên bà đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà **Y** yêu cầu ly hôn và triệu tập ông **C** tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông **C** vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà **Y**. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà **Y** và ông **C** đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông **C** thường xuyên cờ bạc thiếu nợ, vợ chồng thường xuyên bất hòa và cự cãi, bà và ông **C** không còn chung sống từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Y** là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà **Y** và ông **C** xác định vợ chồng có 02 con chung **Nguyễn Thị Kim C1**, sinh ngày 03/01/2018 và **Nguyễn Thị Ngọc C2**, sinh ngày 03/01/2018. Hiện 02 cháu đang sống cùng ông **C**. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu **Kim C1** và cháu **Ngọc C2** cho thấy nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông **C**. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu **Kim C1** và cháu **Ngọc C2** do ông **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông **C** cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà **Y**. Do đó, để ông **C** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Kim C1** và cháu **Ngọc C2** là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà **Y** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.700.000 đồng cho đến khi con chung thành niên, xét thấy sự tự nguyện của bà **Y** phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện của bà **Y**.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà **Y** trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà **Y** trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Quá trình làm việc, bà **Y** có yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Bà **Y** tự nguyện nộp chi phí tố tụng 300.000 đồng và đồng ý chịu toàn bộ chi phí này. Xét đây là sự tự nguyện của bà **Y** nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Án phí hôn nhân sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị Thu Y** đối với ông **Nguyễn Huy C**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đỗ Thị Thu Y** được ly hôn với ông **Nguyễn Huy C**.

- Về quan hệ con chung: Ông **Nguyễn Huy C** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung **Nguyễn Thị Kim C1**, sinh ngày 03/01/2018 và **Nguyễn Thị Ngọc C2**, sinh ngày 03/01/2018. Bà **Đỗ Thị Thu Y** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.700.000 (*ba triệu, bảy trăm nghìn*) đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Ông **Nguyễn Huy C** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà **Y** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà **Đỗ Thị Thu Y** xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà **Đỗ Thị Thu Y** và ông **Nguyễn Huy C** phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Chi phí xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, bà **Đỗ Thị Thu Y** tự nguyện chịu. Bà **Đỗ Thị Thu Y** đã nộp đủ.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng bà **Đỗ Thị Thu Y** phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 172 **do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 01 năm 2026. Bà Đỗ Thị Thu Y phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.**

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Long Kiên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư